

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN PHÚ X Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ H

Bản án số: 216/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 05 - 6 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ X, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đang.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân quận Phú X, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Phú X (Địa chỉ: 394 Đinh Tiên Hoàng, phường Thận Lộc, quận Phú X, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Bùi Tăng Quốc B; sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: 470/1 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Ph, thành phố Thủ Đ, Thành phố HCM. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th; sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Lô D5 KQH Dân cư phía Bắc Hương S (KV5), phường Hương S, quận Phú X, thành phố H. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh B xin vắng mặt nhưng bản tự khai ngày 16/5/2025 anh B trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 01 năm, nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục mà anh, chị tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Hiệp

Bình Ph, thành phố Thủ Đ, thành phố HCM ngày 26/5/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị Th không quan tâm đến gia đình, thường xuyên qua lại với những người bạn xấu, anh nhiều lần khuyên can nhưng chị Th không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 chị Th bỏ về nhà cha mẹ chị Th tại Lô D5 KQH Dân cư phía Bắc Hương S (KV5), phường Hương S, quận Phú X, thành phố H để sống nên vợ chồng không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm từ đó đến nay. Vì vậy anh xin được ly hôn với chị Th để ổn định cuộc sống.

- Về nuôi con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc L, sinh ngày 06/6/2002 và Bùi Ngọc Yến Tr, sinh ngày 07/9/2011. Khi ly hôn, anh B xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trang đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh Th nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định, còn chị Th hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền nên anh nuôi con đảm B hơn. Còn cháu Bùi Quốc L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th xin vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2025 chị Th trình bày: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng như anh B khai là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vì vậy chị bỏ về nhà cha mẹ ở Huế để sống từ năm 2014 nên vợ chồng không sống chung với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau nữa. Nay anh B xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh B khai. Khi ly hôn chị đồng ý giao cháu Bùi Ngọc Yến Tr cho anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị không cấp dưỡng tiền nuôi con vì hiện nay chị đang thi hành án tại Trại giam Bình Điền. Còn cháu Bùi Quốc L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị Th.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngọc Yến Tr, sinh ngày 07/9/2011 đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Bùi Quốc L, sinh ngày 06/6/2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị Th xác nhận không có, nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc anh B phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1]. Về tố tụng: Anh B xin ly hôn chị Th cư trú tại phường Hương S, quận Phú X, nên Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B và chị Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiệp Bình Ph, thành phố Thủ Đ, thành phố HCM ngày 26/5/2004 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Th không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 chị Th về Huế sinh sống nên vợ chồng không quan tâm nhau, không còn tình cảm. Hiện nay chị Th đang thi hành án tại Trại giam Bình Điền. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh B, chị Th mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh B yêu cầu ly hôn chị Th và chị Th cũng đồng ý ly hôn, nên có đủ căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Anh B có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Ngọc Yến Tr đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng không sống chung với nhau, một mình anh B nuôi cả hai con, cháu Trang có nguyện vọng ở với anh B; anh B có việc làm, chỗ ở ổn định, Th nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, còn chị Th đang thi hành án, đồng thời chị Th cũng đồng ý giao cháu Trang cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên việc giao cháu Trang cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Trang. Anh B không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, nên không xem xét.

Đối với cháu Bùi Quốc L đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Bùi Tăng Quốc B ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Bùi Ngọc Yến Tr, sinh ngày 07/9/2011 cho anh Bùi Tăng Quốc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Bùi Ngọc Yến Tr.

Cháu Bùi Quốc L, sinh ngày 06/6/2002 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Tăng Quốc B và chị Nguyễn Thị Th xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Tăng Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001031 ngày 16/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú X, thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận Phú X;
- Chi cục THADS quận Phú X;
- UBND phường Hiệp Bình Ph;
- thành phố Thủ Đức; TP HCM.
- (ĐKKH ngày 26/5/2004).
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tuyết Linh